

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 360/TTr-SNV ngày 22 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Những quy định chung

1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội nhằm bảo đảm việc thành lập và hoạt động của các tổ chức hội có hiệu quả, đúng pháp luật và đúng Điều lệ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước;

2. Đối tượng quản lý nhà nước quy định trong Quyết định này bao gồm các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập theo Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật Quy định quyền lập hội, Nghị định số 88/2003/NĐ-CP



ngày 30 tháng 7 năm 2003 và Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 2. Giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội

1. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh (danh sách ban hành kèm theo Quyết định này và các quyết định thành lập hội phát sinh sau thời điểm ban hành Quyết định này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố theo Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền quản lý hội.

Điều 3. Nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội của Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành tỉnh

1. Xem xét, quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội theo khoản 4 và điểm b, điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên hội; tổ chức Đại hội nhiệm kỳ; Đại hội bất thường và phê duyệt Điều lệ của các tổ chức hội.

3. Cung cấp các thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình công tác và phương hướng phát triển của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương để các tổ chức hội có cơ sở định hướng và xây dựng kế hoạch hoạt động; tạo điều kiện để các tổ chức hội tham gia các hoạt động phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, thể dục thể thao và khuyến khích hoạt động của các tổ chức hội gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và của địa phương.

4. Lấy ý kiến của các hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức hội tham gia đóng góp ý kiến với vai trò phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách, kế hoạch, quy hoạch, phương hướng, chương trình công tác sắp tới của tỉnh, của ngành, của địa phương.

5. Rà soát, lập danh sách các tổ chức hội thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương được thành lập không đúng thẩm quyền hoặc không đúng quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ tổng hợp) xem xét giải quyết.

6. Có ý kiến bằng văn bản với các cơ quan chức năng về việc tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật và những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc sử dụng và quản lý tài chính của các tổ chức hội, bảo đảm việc sử dụng tài chính đúng mục đích đã đề ra.

8. Hướng dẫn các tổ chức hội xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

9. Kiểm tra hoạt động của các tổ chức hội trong việc chấp hành pháp luật và thực hiện Điều lệ hội, đề xuất biện pháp xử lý đối với các vi phạm của các tổ chức hội.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ xin phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên hội; Đại hội nhiệm kỳ; Đại hội bất thường và trình phê duyệt Điều lệ Hội đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh;

b) Xem xét, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ xin phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên hội đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố.

c) Theo dõi quản lý và phối hợp với các sở, ngành, huyện, thành phố có liên quan giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh;

d) Phối hợp các sở, ngành có liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Điều lệ và chấp hành pháp luật; kiến nghị việc xử lý vi phạm của các tổ chức hội trên cơ sở đề nghị của các sở quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

đ) Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác hội cho sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

e) Báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất (khi cần thiết) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh cho Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hoạt động theo biên chế được giao đối với các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức hội theo quy định của pháp luật.

c) Định kỳ hàng năm và đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình cấp kinh phí hoạt động cho các hội có tính chất đặc thù và xem xét hỗ trợ đối với các tổ chức hội thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép các tổ chức hội thực hiện việc tiếp nhận viện trợ các cá nhân, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án của

các tổ chức hội được tiếp nhận viện trợ các cá nhân, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Công an tỉnh thực hiện việc giải quyết thủ tục làm con dấu, đăng ký mẫu dấu của các tổ chức hội được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; rà soát, sửa đổi dấu các tổ chức hội khác không đúng tên theo quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền và thu hồi dấu các tổ chức hội thành lập không đúng quy định của pháp luật, hoặc các tổ chức hội đã có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Giới thiệu các tổ chức hội hoạt động tốt, đúng Điều lệ và quy định của pháp luật, có nhiều thành tích đóng góp cho các phong trào của tỉnh;

b) Không đưa tin có liên quan đến hoạt động của các tổ chức hội không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập.

6. Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố định kỳ báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và đột xuất (khi cần thiết) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức hội thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các tổ chức hội trong tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- P.KGVX, P.NC, P.TH;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

KIÊN GIANG

DANH SÁCH

Phân công các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1745/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Sở Tư pháp:

1. Hội Luật gia.
2. Hội Công chứng.
3. Đoàn Luật sư.

2. Sở Công Thương:

1. Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
2. Hội Mỹ nghệ Kim hoàn Đá quý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Liên minh Hợp tác xã.
2. Hiệp hội Doanh nghiệp.
3. Hội Doanh nhân trẻ.
4. Hội Nữ doanh nhân.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Hội Làm vườn.
2. Hội Nghề cá.
3. Hội Sinh vật cảnh.
4. Hội Động vật hoang dã.
5. Hội Chăn nuôi và thú y.

5. Sở Xây dựng:

1. Hội Kiến trúc sư.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

1. Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

1. Hội Nhà báo.
2. Hội Tem.
3. Hội Tin học.



8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

1. Hội Chữ thập đỏ.
2. Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin.
3. Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo.
4. Hội Người mù.
5. Hội Người cao tuổi.
6. Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và Tù binh.

9. Sở Văn hóa và Thể thao:

1. Hội Văn học - Nghệ thuật.
2. Hội Thể dục Dưỡng sinh.
3. Hội Truyền thống Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh.
4. Liên đoàn Quần vợt.
5. Liên đoàn Cầu lông.
6. Liên đoàn Vovinam.

10. Sở Khoa học và Công nghệ:

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo:

1. Hội Khuyến học.
2. Hội Tâm lý giáo dục học.
3. Hội Cựu giáo chức.
4. Hội Sinh viên Việt Nam tỉnh.

12. Sở Y tế:

1. Hội Đông y.
2. Hội Châm cứu.
3. Hội Dược học.
4. Hội Y dược học.
5. Hội Cựu quân dân y.
6. Hội Điều dưỡng.
7. Hội Dinh dưỡng.
8. Hội Kế hoạch hóa gia đình.
9. Hội Nữ hộ sinh.
10. Hội Thầy thuốc trẻ.
11. Hội Hành nghề Y tư nhân.

13. Sở Ngoại vụ:

1. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh.
2. Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia.
3. Hội hữu nghị Việt Nam - Hoa kỳ.
4. Hội hữu nghị Việt Nam - Nga.
5. Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản.
6. Hội hữu nghị Việt Nam - Pháp.
7. Hội hữu nghị Việt Nam - Thái Lan.
8. Hội hữu nghị Việt Nam - Thụy Sĩ.
9. Hội hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc.
10. Hội hữu nghị Việt Nam - Úc.
11. Hội hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc.

14. Sở Giao thông vận tải:

1. Hiệp hội Vận tải.

15. Sở Nội vụ:

1. Hội Sinh viên Trường Đại học Kiên Giang.
2. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh.
3. Hội Cựu Thanh niên xung phong.

16. Sở Du lịch

1. Hiệp hội Du lịch./.

